TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST Ngày: 28/11/2019 V/v : *"Kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Minh

Ông Đào Xuân Tìm

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2019 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX-ST ngày 18/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐHPT-TA ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nịnh Thị M**, sinh năm 1985. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1977. Nơi ĐKHKTT và trú tại: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Chị M, anh T đều có đơn xin xét xử xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 9/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh T mải chơi, thường xuyên vắng nhà cả tháng mới về, không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2014 vợ

chồng đã không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Phan Thị Hồng N, sinh ngày 24/12/2012. Hiện cháu N đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: Anh chị không nợ ai, không ai vay nợ anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong vấn đề kinh tế, không có tiếng nói chung nên anh đã bỏ đi từ năm 2014, từ đó cũng không quan tâm, liên lạc với chị M. Mỗi lần về hay liên lạc về cho bố mẹ anh, anh biết chị M và cháu N sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Quảng Ninh cũng không về nhà anh. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Phan Thị Hồng N, sinh ngày 24/12/2012. Hiện cháu N đang ở cùng chị M. Khi ly hôn chị M xin được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về quan hệ tài sản: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Phan Thị Hồng N, sinh ngày 24/12/2012 cho chị Ninh Thị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ

chung: chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Anh, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và trong làm kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ đầu năm 2014, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị M. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung:* Anh chị có 01 con chung là: Phan Thị Hồng N, sinh ngày 24/12/2012. Cháu N hiện đang ở cùng chị M, chị M xin nuôi con anh T đồng ý. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản*:

Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết. Sau này chị M, anh T nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân:

Xử Chấp nhận yêu cầu của chị Nịnh Thị M, xử cho chị Nịnh Thị M được ly hôn anh Phan Văn T.

3/ Về quan hệ con chung:

Chị M và anh T có 01 con chung là Phan Thị Hồng N, sinh ngày 24/12/2012. Giao cháu Phan Thị Hồng N cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004094 ngày 18 tháng 9 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị M, anh T. Báo cho chị M, anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung